

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết dự án:
Triển khai nối mạng trực tuyến phiên tòa từ phòng xét xử.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án;

Căn cứ Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh V/v bố trí kinh phí cho Tòa án nhân dân tỉnh triển khai nối mạng phiên tòa trực tuyến;

Xét đề nghị của Tòa án nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 24/TTr-TA ngày 03/5/2019 kèm theo Công văn số 324/STTTT-CNTT ngày 17/4/2019 của Sở Thông tin và truyền thông tỉnh về việc Thẩm định đề cương thuyết minh kỹ thuật và dự toán chi tiết Triển khai nối mạng trực tuyến phiên tòa từ phòng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết dự án: Triển khai nối mạng trực tuyến phiên tòa từ phòng xét xử với các nội dung chính sau:

- 1. Cơ quan thực hiện:** Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.
- 2. Tổ chức lập đề cương và dự toán chi tiết:** Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hoàng.
- 3. Tóm tắt các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin chủ yếu**
 - 3.1. Mục tiêu đầu tư:**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách Hành chính – Tư pháp;
- Nắm chắc diễn biến và kịp thời theo dõi chỉ đạo các hoạt động tố tụng, xét xử tại các phiên tòa, công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân;
- Xây dựng tư liệu nhằm phục vụ nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, trau dồi kinh nghiệm cho đội ngũ Thẩm phán, Thư ký, Kiểm sát viên, Điều tra viên theo yêu cầu cải cách Tư pháp;
- Nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm, rèn luyện tác phong lễ lối làm việc của cán bộ trong công tác.

3.2. Địa điểm đầu tư

Triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bao gồm:

- Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị;
- Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Quảng Trị;
- Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh.

3.3. Nội dung chính

- Khảo sát, thiết kế, xây dựng hệ thống quan sát phòng xét xử tại Tòa án tỉnh và các Tòa án cấp huyện được kết nối tập trung với trung tâm điều khiển đặt tại Tòa án tỉnh cho phép truyền toàn bộ hình ảnh, âm thanh đến phòng làm việc của Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, Ban nội chính; Chánh án TAND cấp tỉnh và cấp huyện; Viện trưởng VKSND cấp tỉnh và huyện.

- Trung tâm điều khiển đặt tại Tòa án tỉnh thực hiện quản lý phân quyền truy cập của người sử dụng, điều khiển và quyết định việc truyền hình trực tuyến các phòng xử án đến Phòng thông tin báo chí của Tòa án cấp tỉnh, phòng làm việc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban nội chính tỉnh, Chánh án Tòa án và Viện trưởng Viện Kiểm sát cấp tỉnh, cấp huyện.

- Việc xây dựng hệ thống quan sát phòng xử án phải đảm bảo tính sử dụng lâu dài, đảm bảo chất lượng âm thanh, hình ảnh, hoạt động ổn định, cho phép tra cứu và trích xuất thông tin đã được lưu trữ. Toàn bộ âm thanh, hình ảnh các phòng xử án phải được đưa vào lưu trữ ít nhất trong vòng 01 tháng.

- Xác định, bố trí tổ chức nhân lực để quản lý, vận hành hệ thống, tập huấn, hướng dẫn chuyển giao công nghệ của hệ thống.

- Đầu tư triển khai nối mạng trực tuyến cho 11 phòng xét xử (02 phòng xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh và 09 phòng xét xử tại Tòa án nhân dân cấp huyện).

3.4. Nội dung đầu tư cụ thể:

STT	Tên nội dung, hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng
1	Phần mềm thương mại		
1.1	Phần mềm Hội nghị trực tuyến (11 user bản quyền vĩnh viễn)	Bộ	01
1.2	Phần mềm bản quyền Windows	Bộ	01
2	Hệ thống thiết bị cho trung tâm điều khiển tại tòa án tỉnh		
2.1	Máy chủ	Cái	01
2.2	Màn hình máy tính	Cái	01
2.3	Bộ lưu điện	Bộ	01
2.4	Router mạng	Bộ	01
2.5	Cáp nối HDMI	Sợi	01
2.6	Tivi 43 inch	Cái	01
3	Hệ thống thiết bị cho 02 phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh và 09 phòng xét xử tại Tòa án nhân dân cấp huyện		
3.1	Máy trạm (Đủ bộ, có màn hình)	Bộ	11
3.2	Camera giám sát phòng xét xử	Cái	22
3.3	Cáp mạng CAT6	Thùng	05
3.4	Micro	Cái	45
3.5	Loa	Cái	11
3.6	Âm ly	Cái	8
3.7	Bàn trộn âm thanh	Bộ	10

STT	Tên nội dung, hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng
3.8	Switch mạng	Cái	11
3.9	Tủ rack chứa thiết bị	Cái	11
3.10	Phụ kiện kết nối	Bộ	11
4	Hệ thống thiết bị cho 23 điểm cầu giám sát		
4.1	Tivi inches	Cái	18
4.2	Máy tính bảng	Cái	05
5	Triển khai, đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Điểm	34

3.5. Triển khai thiết bị tại các đơn vị

3.5.1. Trang bị cho trung tâm điều khiển tại TAND tỉnh:

- 01 bộ máy chủ có cấu hình cao;
- 01 bộ máy chủ ghi hình, ghi tiếng có cấu hình cao;
- 01 bộ Switch 8 cổng 1Gbps;
- 01 Router 4 cổng kết nối mạng LAN và 01 bộ lưu điện 2Kva;
- 01 điều hòa nhiệt độ 2 chiều công suất 18.000BTU và bàn ghế làm việc.

3.5.2. Trang bị cho các phòng xét xử (02 phòng ở TA tỉnh và 9 phòng xét xử TA cấp huyện) tiêu chuẩn 01 phòng:

- 01 bộ Máy ghi hình;
- 02 Camera cảm biến hình ảnh quan sát;
- 01 bộ chuyển mạch 4 cổng;
- 06 miro cỡ ngỗng có dây;
- 01 amly khuếch đại âm thanh;
- 01 bộ trộn âm thanh 16 đường vào;
- 02 loa treo tường và phụ kiện kết nối, giá treo, dây điện, hộp kỹ thuật...

3.5.3. Trang bị cho các điểm cầu giám sát có 23 điểm cầu, gồm (Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKS tỉnh, Tỉnh ủy, Ban nội chính, Thường trực HĐND, 18 điểm cầu Chánh án và Viện trưởng cấp huyện). Đối với 01 điểm cầu sẽ gồm:

- 01 Tivi thông minh hoặc 01 máy tính bảng.

3.6. Triển khai phần mềm tại các đơn vị:

3.6.1. Tại phòng máy chủ Tòa án tỉnh: 01 bộ phần mềm bản quyền ứng dụng máy chủ và 01 bộ phần mềm ứng dụng máy chủ lưu trữ và quản lý nội dung.

3.6.2. Tại các điểm của phòng xét xử cấp tỉnh và cấp huyện: 01 bộ bản quyền phần mềm cho máy Codec và 01 bộ bản quyền phần mềm cho người giám sát phiên tòa của các điểm cầu.

4. Tổng mức đầu tư của dự án

Tổng mức đầu tư: **1.700.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn). Trong đó chi phí các hạng mục như sau:

- Chi phí thiết bị:	1.581.227.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	42.421.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	34.280.000 đồng
- Chi phí khác:	14.723.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	27.349.000 đồng

5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

6. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

7. Thời gian thực hiện dự án: 2019.

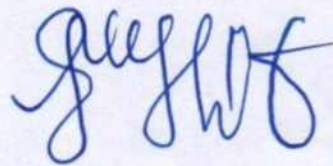
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành liên quan và Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính